TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2022
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH LONG AN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Đẹp.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Bạch Ngọc Bay.

2. Bà Đặng Thị Mỹ Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Ôn Tú Trân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Long An.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 477/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Kim L, sinh năm 1983; Địa chỉ: Khu phố 3 thị trấn G, huyện G, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Tân Thành, xã T, huyện G, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 24 tháng 6 năm 2022 và trong quá trình tham gia tố tụng cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Kim L trình bày:

Qua tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Thanh T cưới nhau vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Long An theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 85, quyển số 01/09 cấp ngày 29/6/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi nhau, chị và anh T đã không còn chung sống với nhau từ khi con gái chị được 05 tuổi đến nay, cả hai đều đã có

cuộc sống riêng. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng anh T nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 03/7/2009 hiện đang sống cùng anh T. Khi ly hôn chị đồng ý giao con chung Nguyễn Thị Thảo M cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định chị và anh T không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Trong bản tự khai ngày 23 tháng 9 năm 2022, bị đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị L về thời gian kết hôn và quá trình chung sống. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi con chung Nguyễn Thị Thảo M được 05 tuổi thì chị L bỏ nhà đi, kể từ đó vợ chồng không còn tình cảm và không còn quan tâm nhau nên anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 03/7/2009, hiện đang chung sống cùng anh và hiện đang học lớp 8 Trường Trung học cơ sở T tại xã T. Khi ly hôn anh đồng ý tiếp tục nuôi con chung Nguyễn Thị Thảo M, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị L không có tài sản chung và không có nợ chung.

Do anh bận công việc nên đề nghị giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 85, quyển số 01/09 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Long An cấp ngày 29/6/2009 xác định quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh T là hợp pháp. Chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn". Bị đơn anh T cư trú tại xã T, huyện G, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Long An theo quy định tại Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Bị đơn anh Nguyễn Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Kim L thấy rằng:

Qua lời trình bày của chị L, anh T cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện quá trình chung sống giữa anh chị có mâu thuẫn không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 và anh chị đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm nhau thể hiện tình cảm vợ chồng đã không còn. Xét thấy quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T không còn khả năng đoàn tụ, tình trạng vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và anh chị thống nhất ly hôn nên ghi nhận.

Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị L và anh T có 01 con chung

tên Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 03/7/2009 hiện đang sống cùng anh T, phát triển ổn định, bản thân cháu M có nguyện vọng chung sống cùng anh T, anh chị thống nhất giao con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng nên ghi nhận, tạm thời chị L không cấp dưỡng nuôi con chung.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung, không có tranh chấp nên không giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Trần Thị Kim L phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Trần Thị Kim L và anh Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Ghi nhận chị Trần Thị Kim L và anh Nguyễn Thanh T có 01 con chung tên Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 03/7/2009.

Ghi nhận giao con chung Nguyễn Thị Thảo M, sinh ngày 03/7/2009 cho anh Nguyễn Thanh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Ghi nhận tạm thời chị Trần Thị Kim L không cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị Kim L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Toà án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không giải quyết.

2. Về án phí: Chị Trần Thị Kim L chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí do chị L nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo biên lai thu số 0004668 ngày 27/6/2022. Chị L đã nộp xong.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai. Nguyên đơn chị Trần Thị Kim L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ

ngày tuyên án; bị đơn anh Nguyễn Thanh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã T, huyện G, tỉnh Long An.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Đẹp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**